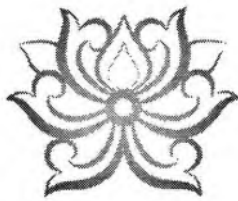


TIỂU TỤNG
(Khuddakapāṭha)



Dịch giả
Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

DẪN LUẬN TIỂU TỤNG (KHUDDAKAPĀṬHA)

1. Về từ ngữ

Bản văn đầu tiên trong 16 tuyển tập thuộc *Kinh Tiểu bộ* là *Tiểu tụng* (小誦, *Collection of Little Readings*) gồm 9 bài kinh ngắn (短小經文), chưa đầy 9 trang Pāli trong ấn bản PTS, được viết tắt với mã số như sau: *Kh.* §1-9.

Trong 9 bài kinh ngắn, *Kinh Bảo tàng* được tìm thấy trong *Kathāvattu* (*Kv.* 351, 18-21) thuộc Luận tạng,¹ và có 3 bài kinh cũng được tìm thấy trong *Kinh tập: Kinh Tâm từ* (*Sn.* I. §8), *Kinh Châu báu* (*Sn.* II. §1), *Kinh Điềm lành* (*Sn.* II. §4). *Tiểu tụng* chủ yếu kết tập một số đoạn kinh văn trong Kinh tạng và Luật tạng, là sách gối đầu giường dành cho Tăng Ni và Phật tử. Trong số đó, các kinh như *Tam quy*, *Thập giới*, *Điềm lành*, *Bảo tàng* và *Tâm từ* trở nên rất quen thuộc tại các nước Phật giáo Nam truyền.

2. Về niên đại và bản dịch tiếng Anh

Tiểu tụng không được các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* (*Dīgha-bhāṇaka*, 長部誦者, 長部誦師) và các nhà đọc tụng *Kinh Trung bộ* (*Majjhima-bhāṇaka*, 中部誦者, 中部誦師) đưa vào danh mục Kinh tạng. Trong Hán tạng, có nguyên phẩm “Cát tường” thuộc *Kinh Pháp cú*² tương đương với *Kinh Điềm lành* của *Tiểu tụng*. Giới học giả cho rằng, về lịch sử văn học Pāli, *Tiểu tụng* có thể là bản văn được biên tập cuối cùng trong *Kinh Tiểu bộ*, nghĩa là xuất hiện trong giai đoạn sau cùng của Kinh tạng Pāli.³

Tiểu tụng hiện có các bản dịch tiếng Anh thông dụng sau đây:

(i) Childers, R. C. (tr.), *Journal of the Royal Asiatic Society* (London: Cambridge University Press, 1869).

(ii) Woodward, F. L. (tr.), *Some Sayings of the Buddha* (Những lời dạy của đức Phật), 1925.

(iii) Rhys Davids, C. A. F. (tr.), *The Text of the Minor Sayings* (Kinh về những lời dạy ngắn), trong *The Minor Anthologies of the Pāli Canon* (Tuyển tập các

¹ Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature* (New Delhi: Munishiram Manoharlal Publishers, 1997, 1st Indian edn.), pp. 42-4.

² *Pháp cú kinh* “Cát tường phẩm” 法句經吉祥品 (T.04. 0210.39. 0574c28-0575b09).

³ Xem Kenneth Roy Norman, *Pāli Literature* (Wiesbaden: Otto Harrassowitz, 1983), pp. 57-8.

bài kinh ngắn trong kinh điển Pāli), vol. I (London: Humphrey Milford, Oxford University Press, 1931).

(iv) Ñāṇamoli (tr.), “*The Minor Readings and the Illustrator of Ultimate Meaning*” (Các bản đọc ngắn và minh họa ý nghĩa tuyệt đối), (*Khuddhakapāṭha with Commentary*) (London: PTS, 1960).

(v) Thanissaro Bhikkhu (tr.), *Khuddakapāṭha: Short Passages: A Translation with an Introduction & Notes* (Tiểu tụng: Các đoạn kinh ngắn: Bản dịch với Lời giới thiệu và Chú thích) (USA, 2017), in trong *Handful of Leaves* (Năm lá trong tay), vol. 4 (USA: Metta Forest Monastery, 2003).

Ngoài ra còn có các bản tuyên dịch bằng tiếng Anh của các dịch giả như Mahāthera Nārada, Mahāthera Piyadassi, Acharya Buddharakkhita và Amaravati Sangha.

3. Về nội dung

Bốn bài kinh ngắn đầu là văn xuôi, trong khi, năm bài kinh còn lại thuộc thi kệ dễ nhớ. Tựa đề và nội dung tóm tắt của 9 bài kinh ngắn này như sau:

(i) *Kinh Tam quy* hay *Ba ngôi báu* (*Saraṇattaya*, 三歸文, *Going for Refuge*) nói về giá trị tâm linh của việc nương tựa Phật, Pháp, Tăng.

(ii) *Kinh Thập giới* hay *Mười giới Sa-di* (*Dasasikkhāpada*, 十戒文, *Ten Precepts*) là nền tảng giới hạnh của người xuất gia.

(iii) *Kinh Ba mươi hai thân phần* hay *Ba mươi hai bộ phận của thân thể* (*Dvattimsākāra*, 三十二身份, *Thirty-two Parts of the Body*) giúp người tu quán chiếu về tính tổ hợp, tính bất tịnh, tính tương tác và tính vô thường, nhờ đó không đắm nhiễm khoái lạc giác quan và lối sống phàm tục.

(iv) *Kinh Nam tử hỏi đạo* hay còn gọi là *Sa-di hỏi đạo* (*Kumārapañhā*, 問沙彌文, *Novice's Questions*) gồm 10 pháp số căn bản cần học thuộc lòng gồm thức ăn, danh sắc, ba cảm giác, bốn chân lý Thánh, chấp năm tổ hợp, sáu giác quan, bảy yếu tố giác ngộ, con đường Thánh tám ngành, chín nơi ở của chúng sanh và mười đức của bậc A-la-hán.

(v) *Kinh Điềm lành* còn gọi là *Kinh Cát tường* (*Maṅgalasutta*, 吉祥經, *Discourse on Blessings*) dạy về 38 kỹ năng sống có chất lượng hạnh phúc và hữu ích cho đời.

(vi) *Kinh Châu báu* còn gọi là *Kinh Tam bảo* (*Ratanasutta*, 三寶經, *Discourse on Treasures*) đề cập tầm quan trọng của ba ngôi tâm linh và giá trị trị liệu sức khỏe thể chất và sức khỏe cảm xúc của thiên.

(vii) *Kinh Ngoài bức tường* (*Tirokuttasutta*, 戶外經, *Outside the Wall Chapter*) nhắc nhở người còn sông nên nhớ thâm ân và cúng kính cho người thân đã qua đời, giúp họ tái sanh về cảnh giới an lành.

(viii) *Kinh Bảo tàng* hay còn gọi là *Kinh Phục tàng* (*Nidhikaṇḍasutta*, 伏藏經, *Reserve Fund Chapter*) khích lệ hạnh bố thí, cúng dường để mang lại hạnh phúc lâu dài.

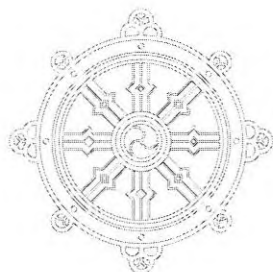
(ix) *Kinh Tâm từ* (*Mettasutta*, 慈經, *Discourse on Loving-kindness*) hướng dẫn kỹ năng thương yêu con người và mọi loài, xóa bỏ hận thù, xây dựng hòa bình, bảo vệ môi trường.

Tiểu tụng đóng vai trò căn bản trong văn học Pāli, chứa đựng những bài kinh căn bản nhất trong đời sống tu học của Thượng Tọa bộ, trong số đó, nhiều bài kinh được đưa vào các *Nghi thức Tụng niệm* tại các quốc gia Thượng Tọa bộ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18/2/2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



TIỂU TỤNG (KHUDDAKAPĀṬHA)

§1. TAM QUY (*Saraṇattaya*)¹ (Kh. 1)

Đệ tử quy y Phật,
Đệ tử quy y Pháp,
Đệ tử quy y Tăng.
Lần thứ hai đệ tử quy y Phật,
Lần thứ hai đệ tử quy y Pháp,
Lần thứ hai đệ tử quy y Tăng.
Lần thứ ba đệ tử quy y Phật,
Lần thứ ba đệ tử quy y Pháp,
Lần thứ ba đệ tử quy y Tăng.

§2. THẬP GIỚI (*Dasasikkhāpada*) (Kh. 1)

1. Đệ tử thực hành giới tránh sát sanh.
2. Đệ tử thực hành giới tránh lấy của không cho.
3. Đệ tử thực hành giới tránh tà hạnh trong các dục.
4. Đệ tử thực hành giới tránh nói láo.
5. Đệ tử thực hành giới tránh mọi cơ hội buông lung phóng dật do uống rượu hoặc các thứ men say.
6. Đệ tử thực hành giới tránh ăn phi thời.
7. Đệ tử thực hành giới tránh múa, hát, nhạc, kịch.
8. Đệ tử thực hành giới tránh cơ hội đeo vòng hoa và trang điểm với hương liệu, dầu xoa.
9. Đệ tử thực hành giới tránh dùng giường cao và rộng.
10. Đệ tử thực hành giới tránh nhận vàng bạc.

§3. BA MƯƠI HAI THÂN PHẦN (*Dvattiṃsākāra*) (Kh. 2)

Trong thân này có: Tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận,

¹ Xem *Vin.* I. 1.

tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột non, ruột già, bao tử, phân, não, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, chất nhờn ở khớp, nước tiểu.

§4. NAM TỬ HỎI ĐẠO (*Kumārapañhā*)² (Kh. 2)

Thế nào là một? – Mọi loài hữu tình đều tồn tại nhờ thức ăn.

Thế nào là hai? – Danh và sắc.

Thế nào là ba? – Ba loại cảm thọ.

Thế nào là bốn? – Bốn Thánh đế.

Thế nào là năm? – Năm thủ uẩn.

Thế nào là sáu? – Sáu nội xứ.

Thế nào là bảy? – Bảy giác chi.

Thế nào là tám? – Thánh đạo tám ngành.

Thế nào là chín? – Chín nơi cư trú của các loài hữu tình.

Thế nào là mười? – Vị nào có đủ mười đức tánh được gọi là vị A-la-hán.

§5. KINH ĐIỀM LÀNH (*Maṅgalasutta*)³ (Kh. 2)

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvattthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi một thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

2.	Nhiều thiên tử và người, Mong ước và đợi chờ, Xin Ngài hãy nói lên,	Suy nghĩ đến điềm lành, Một nếp sống an toàn, Về điềm lành tôi thượng!
----	---	--

[Đức Phật giảng:]

3.	Không thân cận kẻ ngu, Đánh lễ người đáng lễ,	Nhưng gần gũi bậc trí, Là điềm lành tối thượng.
4.	Ở trú xứ thích hợp, Chon chánh hướng tự tâm,	Công đức trước đã làm, Là điềm lành tối thượng.
5.	Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, Nói những lời khéo nói,	Khéo huân luyện, học tập, Là điềm lành tối thượng.
6.	Hiếu dưỡng mẹ và cha, Làm nghề không rắc rối,	Nuôi nấng vợ và con, Là điềm lành tối thượng.

² Tham chiếu: A. V. 48, 54; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.486-489. 0124b18-c22); *Tăng. 增* (T.02. 0125.46.8. 0778b17).

³ Xem Sn. 46; *Pháp cú kinh* “Cát tường phẩm” 法句經吉祥品 (T.04. 0210.39. 0574c29); *Pháp cú thi dụ kinh* “Cát tường phẩm” 法句譬喻經吉祥品 (T.04. 0211.39. 0608c14).

- | | |
|--|---|
| <p>7. Bồ thí, hành đúng pháp,
Làm nghiệp không lỗi lầm,</p> <p>8. Chấm dứt, từ bỏ ác,
Trong pháp không phóng dật,</p> <p>9. Kính lễ và hạ mình,
Đúng thời nghe Chánh pháp,</p> <p>10. Nhẫn nhục, tánh hòa nhã,
Đúng thời đàm luận pháp,</p> <p>11. Khắc khổ và Phạm hạnh,
Giác ngộ quả Niết-bàn,</p> <p>12. Khi xúc chạm việc đời,
Không uế nhiễm, an ổn,</p> <p>13. Làm sự việc như vậy,
Khắp nơi được an toàn,</p> | <p>Săn sóc các bà con,
Là điềm lành tối thượng.</p> <p>Chế ngự đam mê rượu,
Là điềm lành tối thượng.</p> <p>Biết đủ và biết ơn,
Là điềm lành tối thượng.</p> <p>Yết kiến các Sa-môn,
Là điềm lành tối thượng.</p> <p>Thấy được lý Thánh đế,
Là điềm lành tối thượng.</p> <p>Tâm không động, không sầu,
Là điềm lành tối thượng.</p> <p>Không chỗ nào thất bại,
Là điềm lành tối thượng.</p> |
|--|---|

§6. KINH CHÂU BÁU (*Ratanasutta*)⁴ (Kh. 6)

- | | |
|--|---|
| <p>1. Phàm ở tại nơi này,
Hoặc trên cõi đất này,
Mong rằng mọi sanh linh,
Rồi xin hãy thành kính,</p> <p>2. Do vậy các sanh linh,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Ban ngày và ban đêm,
Do vậy hãy nhiệt tình,</p> <p>3. Phàm có tài sản gì,
Hay ở tại thiên giới,
Không gì sánh bằng được,
Nhu vậy nơi đức Phật,
Mong với sự thật này,</p> <p>4. Đoạn diệt và ly tham,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Không gì sánh bằng được,
Nhu vậy nơi Chánh pháp,
Mong với sự thật này,</p> <p>5. Phật, Thế Tôn thù thắng,
Pháp thiên định trong sạch,</p> | <p>Có sanh linh tụ hội,
Hoặc chính giữa hư không,
Được đẹp ý vui lòng,
Lắng nghe lời dạy này.</p> <p>Tất cả hãy chú tâm,
Với người nam, nữ nào,
Họ đem vật cúng dường,
Giúp hộ trì cho họ.</p> <p>Đời này hay đời sau,
Có châu báu thù thắng,
Với Như Lai, Thiện Thệ,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.</p> <p>Bất tử và thù diệu,
Chứng pháp ấy trong thiên,
Với pháp thù diệu ấy,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.</p> <p>Nói lên lời tán thán,
Liên tục, không gián đoạn,</p> |
|--|---|

⁴ Xem Sn. 39, *Ratanasutta* (Kinh Châu báu).

- Không gì sánh bằng được,
Nhu vậy nơi Chánh pháp,
Mong với sự thật này,
6. Tám vị bốn đôi này,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Bồ thí các vị ấy,
Nhu vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
7. Các vị lòng ly dục,
Khéo liên hệ mật thiết,
Họ đạt được quả vị,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Nhu vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
8. Nhu cây trụ cột đá,
Dầu có gió bốn phương,
Ta nói bậc chân nhân,
Vị thể nhập với tuệ,
Nhu vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
9. Những vị khéo giải thích,⁵
Đã được khéo thuyết giảng,
Dầu họ có xao lãng,
Họ cũng không đến nổi,
Nhu vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
10. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Do vậy có ba pháp,
Thân kiến và nghi hoặc,
11. Đối với bốn đọa xứ,
Vị ấy không thể làm,
Nhu vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
12. Dầu vị ấy có làm,
Với thân hay với lời,
- Pháp thiên vi diệu ấy,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Được bậc thiện tán thán,
Xứng đáng được cúng dường,
Được kết quả to lớn,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Với ý thật kiên trì,
Lời dạy Gotama,
Họ thể nhập bất tử,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Khéo y tựa lòng đất,
Cũng không thể dao động,
Giống như thí dụ này,
Thấy được những Thánh đế,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Những sự thật Thánh đế,
Với trí tuệ thâm sâu,
Hay lơ là thể nào,
Sanh hữu lần thứ tám,⁶
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Với chánh kiến sáng suốt,
Được hoàn toàn từ bỏ,
Giới cấm thủ cũng không.
Hoàn toàn được giải thoát,
Sáu điều ác tội trọng,⁷
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Điều gì ác đi nữa,
Kể cả với tâm ý,

⁵ Xem *Dh.* v. 282.⁶ Xem *PC.* 267.⁷ Tức là 5 tội trọng (ngũ nghịch tội) cộng với tội theo ngoại đạo tà giáo.

- Vị ấy không khi nào,
 Đây là tính không thể,
 Như vậy nơi Tăng chúng,
 Mong với sự thật này,
13. Như là những cây rừng,
 Trong tháng hạ nóng bức,
 Pháp thù thắng được giảng,
 Pháp đưa đến Niết-bàn,
 Như vậy nơi đức Phật,
 Mong với sự thật này,
14. Đức Phật, bậc Cao Thượng,
 Bậc Biết Pháp Cao Thượng,
 Bậc Vô Thượng thuyết giảng,
 Như vậy nơi đức Phật,
 Mong với sự thật này,
15. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
 Với tâm tư từ bỏ,
 Các hạt giống đoạn tận,
 Bậc trí chứng Niết-bàn,
 Như vậy nơi Tăng chúng,
 Mong với sự thật này,
16. Phàm ở tại nơi này,
 Hoặc trên cõi đất này,
 Hãy đánh lễ đức Phật,
 Được loài trời, loài người,
 Mong rằng với hạnh này,
17. Phàm ở tại nơi này,
 Hoặc trên cõi đất này,
 Hãy đánh lễ Chánh pháp,
 Được loài trời, loài người,
 Mong rằng với hạnh này,
18. Phàm ở tại nơi này,
 Hoặc trên cõi đất này,
 Hãy đánh lễ chúng Tăng,
 Được loài trời, loài người,
 Mong rằng với hạnh này,
- Che đây việc làm ấy,
 Của vị thầy Niết-bàn,
 Là châu báu thù diệu.
 Được sống chơn hạnh phúc.
 Đã đơm hoa đầu ngọn,
 Những ngày hạ đầu tiên,
 Được ví dụ như vậy,
 Pháp hạnh phúc tối thượng,
 Là châu báu thù diệu.
 Được sống chơn hạnh phúc.
 Bậc Ban Phúc Cao Thượng,
 Dem lợi ích cao thượng,
 Pháp cao thượng thù thắng,
 Là châu báu thù diệu.
 Được sống chơn hạnh phúc.
 Nghiệp mới không tạo nên,
 Trong sanh hữu tương lai,
 Ước muốn không tăng trưởng,
 Ví như ngọn đèn này,
 Là châu báu thù diệu.
 Được sống chơn hạnh phúc.
 Có sanh linh tụ hội,
 Hoặc chính giữa hư không,
 Đã như thực đến đây,
 Đánh lễ và cúng dường.
 Mọi loài được hạnh phúc.
 Có sanh linh tụ hội,
 Hoặc chính giữa hư không,
 Đã như thực đến đây,
 Đánh lễ và cúng dường.
 Mọi loài được hạnh phúc.
 Có sanh linh tụ hội,
 Hoặc chính giữa hư không,
 Đã như thực đến đây,
 Đánh lễ và cúng dường.
 Mọi loài được hạnh phúc.

§7. KINH NGOÀI BỨC TƯỜNG (*Tirokuttasutta*)⁸ (Kh. 6)

- | | | |
|-----|--|--|
| 1. | Ở bên ngoài bức tường,
Trở về mái nhà xưa, | Giao lộ, ngã ba đường
Họ đứng bên cạnh công. |
| 2. | Nhưng khi tiệc thịnh soạn,
Được bày biện sẵn sàng,
Sự kiện này phát sanh, | Đủ mọi thức uống ăn,
Không một ai nhớ họ,
Từ nghiệp xưa của họ. |
| 3. | Vậy ai có từ tâm,
Thức uống ăn thanh tịnh,
Món này cho bà con, | Nhớ cho các thân nhân,
Tốt đẹp và đúng thời,
Mong bà con an lạc. |
| 4. | Đám nạ quý thân bằng,
Họ thỏa thích hoàn toàn, | Đã tề tựu chỗ đó,
Vì thực phẩm đầy đủ. |
| 5. | Mong quyền thuộc sống lâu,
Vì đã kính lễ ta, | Nhờ người, ta hưởng lợi,
Thí chủ không thiếu quá. |
| 6. | Tại đó không cây cày,
Cũng không có buôn bán,
Các nạ quý, người chết, | Cũng không nuôi súc vật,
Không trao đổi tiền vàng,
Chỉ sống nhờ bố thí. |
| 7. | Như nước đổ xuống đồi,
Bố thí tại chỗ này, | Chảy xuống tận vực sâu,
Cung cấp loài nạ quý. |
| 8. | Như lòng sông tràn đầy,
Bố thí tại chỗ này, | Đưa nước đổ xuống biển,
Cung cấp loài nạ quý. |
| 9. | Người ấy đã cho ta,
Người ấy là quyền thuộc,
Hãy bố thí nạ quý, | Đã làm việc vì ta,
Người ấy chính thân bằng.
Nhớ việc xưa chúng làm. |
| 10. | Không khóc than, sầu muộn,
Giúp ích loài nạ quý,
Không lợi cho nạ quý. | Không thương tiếc cách gì,
Quyền thuộc làm như vậy, |
| 11. | Nhưng khi vật cúng dường,
Ích lợi chúng lâu dài, | Khéo đặt vào chur Tăng,
Ắt hẳn là đạt được. |
| 12. | Bổn phận với quyền thuộc,
Việc cúng dường cao quý,
Chur Tăng được cúng dường,
Người tích tụ công đức, | Như vậy được giảng bày,
Đã làm cho người khuất,
Cũng tăng thêm sức lực,
Thật to lớn biết bao! |

⁸ Xem Pv. 3, *Tirokuttapetavatthu* (Chuyện nạ quý ngoài bức tường); Kv. 347, *Itodinnakathā* (Vấn đề quà của sự bố thí).

§8. KINH BẢO TÀNG (*Nidhikaṇḍasutta*)⁹ (Kh. 7)

- | | | |
|-----|---|---|
| 1. | Một người cất kho báu,
Nghĩ: “Nếu cần, hữu sự, | Ở chỗ sâu, mé nước,
Nó ích lợi cho ta.” |
| 2. | Nếu bị vua kết án,
Hoặc trả các nợ nần,
Vói mục đích như vậy,
Kho báu được chôn cất. | Hoặc bị cướp hành hạ,
Khi đói kém, tai nạn,
Ở trên cõi đời này, |
| 3. | Dẫu nó được chôn cất,
Ở nơi sâu, mé nước,
Giúp ích người mọi lúc. | Rất kỹ lưỡng như vậy,
Nó vẫn không hoàn toàn, |
| 4. | Kho báu bị dời chỗ,
Hoặc rắn thần lấy đi, | Hoặc người nhằm dấu vết,
Hoặc dạ-xoa tâu tán, |
| 5. | Hoặc đám người thừa kế,
Di chuyển kho báu đi,
Và khi phước đức tận, | Kẻ ấy không chấp nhận,
Khi kẻ ấy không thấy,
Tất cả đều tiêu tan. |
| 6. | Nhưng khi người nam, nữ,
Hoặc thiên định, trí tuệ, | Có bố thí, trì giới,
Kho báu khéo để dành. |
| 7. | Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,
Hoặc người mẹ, người cha, | Một cá nhân, lữ khách,
Hoặc là người anh nữa, |
| 8. | Kho này khéo để dành,
Giữa mọi vật phải rời, | Đi theo người, không mất,
Người cùng đi với nó. |
| 9. | Kho báu để dành này,
Không cướp nào lấy được,
Hãy làm việc phước đức, | Không ai khác chia phần,
Vậy những người có trí,
Kho báu ấy theo người. |
| 10. | Đây là một kho báu,
Mọi ước vọng thiên, nhân,
Đều đạt được tất cả, | Có thể làm thỏa mãn,
Dù họ mong muốn gì,
Nhờ phước đức này đây. |
| 11. | Vẻ đẹp của màu da,
Vẻ đẹp của dáng hình,
Địa vị thật cao sang,
Tất cả đều đạt được, | Tiếng nói hay, khả ái,
Vẻ đẹp của toàn thân,
Cùng với đoàn hầu cận,
Nhờ phước đức này đây. |
| 12. | Ngôi đế vương một cõi,
Và vua của chư thiên,
Tất cả đều đạt được, | Ái lạc Chuyển Luân Vương,
Đang ngự trên thiên đường,
Nhờ phước đức này đây. |
| 13. | Niềm hạnh phúc của người,
Hay chứng đắc Niết-bàn,
Nhờ phước đức này đây. | Mọi hoan lạc cõi trời,
Tất cả đều đạt được, |

⁹ Xem Kv. 350, *Pathavīkammavipākotikathā* (Vấn đề đại địa và nghiệp).

- | | |
|---|--|
| 14. Có được bằng hữu quý,
Đạt minh trí giải thoát,
Nhờ phước đức này đây. | Chuyên tu tập chánh chơn,
Tất cả đều đạt được, |
| 15. Tứ vô ngại giải đạo,
Viên mãn trí Thanh văn,
Độc Giác, Chánh Đẳng Giác,
Nhờ phước đức này đây. | Tám cấp độ giải thoát,
Cả hai cách giác ngộ:
Tất cả đều đạt được, |
| 16. Phước báu thật lớn lao,
Vì thế người có trí,
Tán dương về thành quả, | Do công đức thù thắng,
Và những bậc thông tuệ,
Của phước đức đã tạo. |

§9. KINH TÂM TỪ (*Mettasutta*)¹⁰ (Kh. 8)

- | | |
|--|---|
| 1. Vị thiện xảo mục đích,
Sau khi hiểu thông suốt,
Có khả năng trực tánh,
Dễ uốn nắn, nhu hòa, | Cần phải làm như sau:
Con đường an tịnh ấy,
Thật sự khéo chân trực,
Không có gì cao mạn. |
| 2. Sống cảm thấy vừa đủ,
Ít có sự rộn ràng,
Các căn được tịnh lạc,
Không xông xáo gia đình, ¹¹ | Nuôi sống thật dễ dàng,
Sống đạm bạc, giản dị,
Khôn ngoan và thận trọng,
Không tham ái, tham vọng. |
| 3. Các sở hành của mình,
Khiến người khác có trí,
Mong mọi loài chúng sanh,
Mong họ chứng đạt được, | Không nhỏ nhen, vụn vặt,
Có thể sanh chỉ trích.
Được an lạc, an ổn.
An lạc nơi thân tâm. |
| 4. Mong tất cả mọi loài,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Loài dài hay loài ngắn, | Hữu tình có mạng sống,
Không bỏ sót một ai,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ. |
| 5. Loài được thấy, không thấy,
Các loài hiện đang sống,
Mong mọi loài chúng sanh, | Loài sống xa, không xa,
Các loài sẽ được sanh,
Thân tâm được an lạc. |
| 6. Mong rằng không có ai,
Không có ai khinh mạn,
Không vì giận hờn nhau,
Lại có người mong muốn, | Lường gạt, lừa dối ai,
Tại bất cứ chỗ nào,
Không vì tưởng chống đối,
Làm đau khổ cho nhau. |
| 7. Như tấm lòng người mẹ,
Trọn đời lo che chở, | Đối với con của mình,
Con độc nhất mình sanh. |

¹⁰ Xem Sn. 25.

¹¹ Xem D. III. 185, *Sīṅgālasutta* (Kinh Thi-ca-la-việt), số 31.

- | | | |
|-----|---|---|
| | Cũng vậy đôi tất cả,
Hãy tu tập tâm ý, | Các hữu tình chúng sanh,
Không hạn lượng, rộng lớn. |
| 8. | Hãy tu tập từ tâm,
Hãy tu tập tâm ý,
Phía trên và phía dưới,
Không hạn chế, trói buộc, | Trong tất cả thế giới,
Không hạn lượng, rộng lớn,
Cũng vậy cả bề ngang,
Không hận, không thù địch. |
| 9. | Khi đứng hay khi đi,
Lâu cho đến khi nào,
Hãy an trú niệm này,
Được đời đề cập đến, | Khi ngồi hay khi nằm,
Khi đang còn tỉnh thức,
Nếp sống này như vậy,
Là nếp sống Phạm hạnh. |
| 10. | Ai từ bỏ tà kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Không còn phải tái sanh, | Giữ giới, đủ chánh kiến,
Đối với các dục vọng,
Đi đến thai tạng nữa. |

